

Số: /QĐ-UBND Bắc Giang, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 251/TTr-STNMT ngày 28/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Sản xuất Loha Group, địa chỉ trụ sở chính số 23 Quang Trung, phường Trần Phú, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sơ chế thuốc lá Long Hà” tại lô A1, Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên dự án: Đầu tư xây dựng Nhà máy sơ chế thuốc lá Long Hà.

1.2. Chủ cơ sở: Công ty TNHH Sản xuất Loha Group

1.3. Địa điểm hoạt động: Lô A1, cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 2400106558 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/4/1994; đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 03/11/2023.

Quyết định Chủ trương đầu tư số 779/QĐ-UBND ngày 27/8/2020 của UBND tỉnh Bắc Giang.

1.5. Mã số thuế: 2400106558.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến và sơ chế nguyên liệu thuốc lá, thuốc lá, thuốc lá sợi, thuốc lá tẩm.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Phạm vi: Cơ sở được thực hiện tại lô A1, cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với diện tích 26.900 m².

- Quy mô, công suất của cơ sở:

+ Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Xây dựng nhà máy sơ chế thuốc lá Long Hà với quy mô 8.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2 Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Sản xuất Loha Group được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Sản xuất Loha Group có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH Sản xuất Loha Group có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lạng Giang nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lạng Giang.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 467/QĐ-UBND ngày 08/6/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng Nhà máy sơ chế thuốc lá Long Hà” tại lô A1, cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang do Công ty TNHH Sản xuất Loha Group làm Chủ dự án và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp UBND huyện Lạng Giang, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Đầu tư xây dựng Nhà máy sơ chế thuốc lá Long Hà” tại lô A1, cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Sản xuất Loha Group được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Đoàn kiểm tra cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 300/QĐ-STNMT ngày 16/4/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Công ty TNHH Sản xuất Loha Group được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Lạng Giang; UBND xã Nghĩa Hòa; Công ty TNHH Sản xuất Loha Group và tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH Sản xuất Loha Group (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

I. Giai đoạn cụm công nghiệp Nghĩa Hòa chưa hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung (nước thải của cơ sở chưa đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang)

1. Nguồn phát sinh nước thải

01 nguồn nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên của cơ sở.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m³/ngày đêm của cơ sở xả vào mương tiêu thoát nước khu vực thôn Bằng, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Mương tiêu thoát nước khu vực thôn Bằng, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

01 vị trí tại hố ga đầu nối nước thải với mương tiêu thoát nước khu vực thôn Bằng, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

+ Toạ độ vị trí xả nước thải (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3°): X = 2367500; Y = 423106.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 15m³/ngày đêm, tương đương khoảng 0,63 m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau khi được xử lý qua trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m³/ngày đêm được xả vào mương tiêu thoát nước khu vực thôn Bằng, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang qua đường ống nhựa PVC D200mm, chiều dài khoảng 75m theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục 24/24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào mương tiêu thoát nước khu vực thôn Bằng, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	Cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1000	
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,0	
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000	

II. Giai đoạn cụm công nghiệp Nghĩa Hòa hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung (nước thải của cơ sở được đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang)

Cơ sở không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 (khi đã đầu nối nước thải phát sinh vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, không xả thải trực tiếp ra môi trường), do:

- Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh được thu gom, xử lý tại trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m³/ngày đêm của cơ sở đạt quy chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cụm công nghiệp Nghĩa Hòa do Công ty Cổ phần Tổng công ty May Bắc Giang LGG (chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp) xây dựng và quản lý vận hành để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, sau đó thải ra môi trường (đã có công văn số 64/CV-LGG ngày 13/5/2024 của Công ty Cổ phần Tổng công ty May Bắc Giang LGG về việc thỏa thuận đầu nối thoát nước của cơ sở: Đầu tư xây dựng nhà máy sơ chế thuốc lá Long Hà), cơ sở không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

* Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sinh hoạt từ các nhà vệ sinh sau khi được thu gom, xử lý sơ bộ qua 3 bể tự hoại 3 ngăn với tổng thể tích $203,25\text{m}^3$ (01 bể tự hoại tại khu vực nhà văn phòng thể tích 12m^3 , 01 bể tự hoại tại khu vực nhà xưởng sản xuất thể tích 160m^3 , 01 bể tự hoại tại khu vực nhà ăn thể tích $31,25\text{m}^3$) sẽ theo đường ống PVC D200 với tổng chiều dài 150m về trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất $15\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải sinh hoạt từ nhà ăn sau khi được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ thể tích 01m^3 sẽ theo đường ống PVC D200 với chiều dài 80m về trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất $15\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

* Nước thải sản xuất: Trong quá trình hoạt động cơ sở không phát sinh nước thải sản xuất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý của hệ thống xử lý nước thải công suất $15\text{m}^3/\text{ngày đêm}$: Nước thải sinh hoạt (Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh sau khi xử lý qua bể tự hoại và nước thải nhà ăn sau khi xử lý qua bể tách dầu mỡ) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý.

+ Giai đoạn cụm công nghiệp Nghĩa Hòa chưa hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất $15\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT sẽ xả vào mương tiêu thoát nước khu vực thôn Bằng, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang.

+ Giai đoạn Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung: Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất $15\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT sẽ được đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa.

- Công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: $15\text{m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học AO.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho trạm xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Mật rỉ đường hoặc metanol: $0,48\text{kg}/\text{ngày}$

+ Clorine: $0,1\text{kg}/\text{ngày}$

+ Xút vẩy NaOH hoặc vôi bột: $0,48\text{kg}/\text{ngày}$.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

* Biện pháp phòng ngừa

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật, có nhật ký vận hành, hàng ngày ghi chép đầy đủ các thông số vận hành như: Lượng hóa chất sử dụng, tình trạng hoạt động của các thiết bị để có những khắc phục, sửa chữa và thay thế kịp thời khi có sự cố. Trong nhật ký phải ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền.

- Nhân viên kỹ thuật vận hành trạm xử lý nước thải phải được tập huấn, đào tạo, nâng cao chuyên môn, thao tác đúng cách để hạn chế những sai sót có thể gây ra sự cố, luôn có mặt tại vị trí khi vận hành.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng cao (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Vệ sinh đường công thoát nước thải, tránh ùn tắc, ứ đọng chất thải rắn trong đường công dẫn nước thải.

- Giám sát lưu lượng nước thải thường xuyên, liên tục để kịp thời điều chỉnh không để xảy ra quá tải, giảm hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải.

- Phối hợp chặt chẽ với cơ quan quản lý môi trường địa phương trong việc thanh kiểm tra, quan trắc và giám sát chất lượng nước, chất lượng môi trường.

* Biện pháp ứng phó

- Khi có sự cố xảy ra nhanh chóng tìm hiểu nguyên nhân sự cố và khắc phục kịp thời không để nước thải chưa xử lý vượt quy chuẩn xả thải ra hệ thống thu gom nước thải chung của khu vực hoặc cụm công nghiệp Nghĩa Hòa; tạm dừng hoạt động phát sinh nước thải đến khi khắc phục xong mới tiếp tục hoạt động trở lại.

- Dừng hoạt động trạm xử lý nước thải để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất phải cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa trạm xử lý nước thải vận hành trở lại.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của trạm xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của trạm xử lý này để khắc phục sự cố, thời gian sửa chữa kéo dài vượt quá khả năng lưu chứa tại các bể của trạm xử lý, chủ cơ sở thực hiện thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải mang đi xử lý theo quy định.

- Nước thải qua trạm xử lý nước thải được đánh giá có thể gặp các sự cố như: một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy

chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể chứa nước thải sau xử lý, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra hiệu quả lắng của bể lắng.

+ Tương tự đối với từng thông số khác sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau. Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, Chủ cơ sở liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng trạm xử lý để khắc phục, xử lý.

- Khi có sự cố trạm xử lý nước thải xảy ra tiến hành dừng hoạt động sản xuất để tiến hành khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 10/6/2024 đến ngày 10/9/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m³/ngày đêm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí đầu vào và đầu ra của trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

2.3. Tần suất lấy mẫu

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	- 01 vị trí nước thải đầu vào (tại bể điều hòa) của trạm xử lý nước thải sinh hoạt	pH, BOD ₅ (20°C), Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H ₂ S), moni (Tính theo N), Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N), Dầu mỡ động, thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P), Tổng Coliforms.	Lấy mẫu 1 lần. Thời gian dự kiến lấy mẫu: Ngày 16/7/2024	QCVN 14:2008/BTN MT, cột B
2	- 01 vị trí nước thải đầu ra tại điểm xả nước thải sau trạm xử lý nước thải sinh hoạt, trước khi xả ra môi trường tiếp nhận		Lấy mẫu 01 ngày/lần. Lấy mẫu trong vòng 3 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: - Lần 1: Ngày 16/7/2024 - Lần 2: Ngày 17/7/2024 - Lần 3: Ngày 18/7/2024	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm giai đoạn cụm công nghiệp Nghĩa Hòa chưa hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung: Nước thải sau khi xử lý tại trạm xử lý nước thải sinh hoạt công suất 15m³/ngày đêm đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT sẽ xả vào mương tiêu thoát nước khu vực thôn Bằng, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang; Giai đoạn cụm công nghiệp Nghĩa Hòa hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung: Nước thải sau xử lý tại trạm xử lý nước thải đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT sẽ đấu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải của cụm công nghiệp Nghĩa Hòa. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành theo quy định pháp luật.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lạng Giang để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
 (Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình vận hành nồi hơi.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ công đoạn gia ẩm và tách tước.
- Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ dàn sấy và ép.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: Cơ sở có 03 dòng khí thải tại 03 ống thoát khí thải sau 03 hệ thống xử lý khí thải.

2.1. Vị trí xả khí thải:

Dòng khí thải	Vị trí xả khí thải	Tọa độ vị trí xả khí thải (Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107 ⁰ , múi chiếu 3 ⁰)	Địa điểm
Dòng khí thải số 01	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình vận hành nồi hơi	X= 2369938; Y= 422663	Vị trí xả khí thải của cơ sở tại lô A1, cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang
Dòng khí thải số 02	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn gia ẩm và tách tước	X= 2368839; Y= 423158	
Dòng khí thải số 03	01 vị trí tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ dàn sấy và ép	X= 2368361; Y= 423160.	

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 4.120 m³/giờ, tương đương 32.960 m³/ngày (tính theo 8 giờ/ngày)

- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 55.000 m³/giờ, tương đương 440.000 m³/ngày (tính theo 8 giờ/ngày)

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 15.000 m³/giờ, tương đương 120.000 m³/ngày (tính theo 8 giờ/ngày)

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả liên tục trong thời gian làm việc theo phương thức cưỡng bức (thời gian làm việc 8 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả ra ngoài môi trường không khí phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và quy chuẩn hiện hành là QCVN 19:2009/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải đối với bụi và các chất vô cơ, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNM, cột B	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	03 tháng/lần	Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	CO	mg/Nm ³	1.000		
3	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	7,5		
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	500		
5	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

1.1.1. Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình vận hành nồi hơi:

Khí thải phát sinh từ quá trình vận hành 02 nồi hơi được quạt hút hút vào đường ống bằng thép D300 chiều dài khoảng 3m dẫn khí thải về hệ thống xử lý khí thải.

Chủ cơ sở đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải công suất 4.120m³/giờ để thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ quá trình vận hành nồi hơi.

1.1.2. Khí thải phát sinh từ công đoạn gia ẩm và tách tước:

- Khí thải phát sinh từ công đoạn gia ẩm và tách tước: Bố trí 01 hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn gia ẩm và tách tước với công suất 55.000 m³/giờ gồm 02 cụm xử lý khí thải (cụm 1: Công suất 25.000m³/giờ; cụm 2: Công suất 30.000m³/giờ).

Khí thải phát sinh từ 5 máy của cụm tách tước được hút vào chụp hút bố trí

trên các máy để thu gom vào ống dẫn khí D200 sau đó đầu vào đường ống dẫn khí D450 với tổng chiều dài 30 m và vào đường ống dẫn khí D550 với tổng chiều dài 17m về hệ thống xử lý khí thải.

Khí thải từ 7 máy của cụm tách tước và cụm gia ẩm được hút vào chụp hút bố trí trên các máy để thu gom vào ống dẫn khí D200 (đối với khí thải phát sinh từ công đoạn tách tước) và ống dẫn khí D300 (đối với khí thải phát sinh từ công đoạn gia ẩm) sau đó đầu vào đường ống dẫn khí D450 với tổng chiều dài 30 m và vào đường ống dẫn khí D550 với tổng chiều dài 12m về hệ thống xử lý khí thải.

1.1.3. Khí thải phát sinh từ dàn sấy và ép:

Khí thải phát sinh từ dàn sấy và ép: Được hút vào ống dẫn khí D400 với chiều dài 25m và D600 với tổng chiều dài 43m dẫn khí thải về hệ thống xử lý khí thải.

Chủ cơ sở đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý khí thải công suất 15.000m³/giờ để thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ dàn sấy và ép.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình vận hành nồi hơi:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải:

Khí thải từ quá trình vận hành nồi hơi → thiết bị lọc bụi Cyclon → Quạt hút → Đường ống dẫn khí → Bể hấp thụ (bằng dung dịch Ca(OH)₂) → Ống thoát khí thải (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thoát ra môi trường).

- Công suất của hệ thống xử lý khí thải: công suất 4.120m³/giờ.

- Vật liệu sử dụng cho hệ thống xử lý khí thải: Vôi bột (CaO): 3kg/tháng.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn gia ẩm và tách tước:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải:

Khí thải → Chụp hút → Thiết bị Cyclone → Thiết bị lọc bụi túi vải → Quạt hút → Silo bụi → Ống thoát khí (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thoát ra môi trường).

- Công suất của hệ thống xử lý khí thải: công suất 55.000 m³/giờ.

1.2.3. Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ dàn sấy và ép:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải

Khí thải → Quạt hút → Silo bụi → Ống thoát khí (Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thoát ra môi trường).

- Công suất của hệ thống xử lý khí thải: công suất là 15.000m³/giờ.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.3.1. Biện pháp phòng ngừa:

- Lập quy trình vận hành cho hệ thống xử lý khí thải.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ

thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Định kỳ 03 tháng/lần kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải để phát hiện hỏng hóc và sửa chữa kịp thời.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

1.3.2. Biện pháp ứng phó:

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn tại cơ sở, đồng thời dừng hoạt động, liên hệ đơn vị thi công lắp đặt, sửa chữa bảo dưỡng chuyên môn để khắc phục và đồng thời báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Dừng mọi hoạt động sản xuất cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 10/6/2024 đến ngày 10/9/2024.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm: 03 công trình, thiết bị, cụ thể:

- Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình vận hành nồi hơi.
- Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn gia ẩm và tách tước.
- Hệ thống xử lý khí thải từ dàn sấy và ép.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 03 vị trí tại 03 ống thoát khí thải sau khi xử lý qua 03 hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm của dòng thải (theo nội dung được cấp phép tại phần A phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số giám sát	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ	Bụi tổng, SO ₂ , NO _x ,	Giai đoạn vận hành ổn định:	QCVN 19:2009/BTN

	thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình vận hành nồi hơi	CO, H ₂ S	Lấy 01 mẫu đơn với tần suất 01 lần/ngày, trong 3 ngày liên tiếp.	MT, cột B
2	01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn gia ẩm và tách tước	Bụi tổng, SO ₂ , NO _x , CO, H ₂ S	Thời gian dự kiến lấy mẫu: Lần 1: Ngày 16/7/2024 Lần 2: Ngày 17/7/2024 Lần 3: Ngày 18/7/2024	
3	01 vị trí tại ống thoát khí sau hệ thống xử lý khí thải từ dàn sấy và ép	Bụi tổng, SO ₂ , NO _x , CO, H ₂ S		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lạng Giang để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 2 nguồn, gồm:**

- Nguồn số 1: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc thiết bị tại nhà xưởng 01;

- Nguồn số 2: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của các máy móc thiết bị tại nhà xưởng 02.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰)

- 01 vị trí tại khu vực đặt máy móc, thiết bị tại nhà xưởng 01. Tọa độ: X= 2368334; Y= 423122

- 01 vị trí tại khu vực đặt máy móc, thiết bị tại nhà xưởng 02. Tọa độ: X= 2368352; Y= 423063

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Trang bị bảo hộ lao động như nút tai cho công nhân làm việc tại xưởng sản xuất và lập nội quy hạn chế công nhân nói chuyện trong giờ làm việc để giảm tiếng ồn.

- Sử dụng đệm chống ồn được lắp đặt tại chân của quạt và thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị (tra dầu, mỡ, vệ sinh bụi bám trên cánh quạt...) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải nguy hại	Khối lượng (kg/năm)
1	Găng tay, giẻ lau dính thành phần nguy hại	60
2	Hộp mực in thải	15
3	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	30
4	Ắc quy, pin thải bỏ	15
5	Dầu nhớt, dầu mỡ máy từ quá trình bảo dưỡng máy móc thải bỏ	90
Tổng		210

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh khoảng 5455 kg/tháng với thành phần thải chủ yếu là tro xỉ sinh ra từ quá trình đốt, bụi, cọng vụn lá thuốc lá, bao bì nilon đựng nguyên liệu,...

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên của cơ sở khoảng 60 kg/ngày.

- Bùn thải phát sinh từ trạm xử lý nước thải khoảng 58kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Bố trí 5 thùng chứa bằng sắt loại 1000 lít/thùng để lưu chứa chất thải nguy hại (CTNH). Mỗi loại chất thải sẽ được lưu giữ trong một thùng riêng biệt, bên ngoài mỗi thùng chứa CTNH có dán tên CTNH, mã CTNH, dấu hiệu cảnh báo CTNH.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 10 m², được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải nguy hại: Mái lợp tôn, tường tôn bao xung quanh, có cửa ra vào có biển báo.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại theo quy định với tần suất khoảng 01 năm/lần.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 05 thùng chứa bằng nhựa có dung tích 150 lít/thùng trong các phân xưởng để lưu giữ chất thải sản xuất thông thường phát sinh hàng ngày. Bố trí 01 thùng phuy bằng sắt có nắp đậy dung tích 200 lít để lưu chứa bùn cặn phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải nôi hơi. Bố trí 15 thùng chứa bằng sắt loại 1000 lít/thùng tại khu vực lưu chứa chất thải sản xuất diện tích 20m². Riêng bụi, cọng vụn thuốc lá phát sinh được thu gom trực tiếp vào bao tải dứa.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- Diện tích kho vụn: 360 m² để lưu chứa bụi, cọng vụn thuốc lá, được bố trí kho riêng bên ngoài nhà xưởng.

- Diện tích khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: 20m², được bố trí bên ngoài nhà xưởng cạnh kho chứa chất thải nguy hại.

- Thiết kế, cấu tạo của kho/ khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Kho vụn: Kho xây dựng khép kín, tường gạch bao quanh, nền đổ bê tông, mái tôn, có biển báo.

+ Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường: Có mái lợp tôn, tường palen, nền chống thấm, có biển báo.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường theo quy định với tần suất khoảng 06 tháng/lần.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí 03 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy dung tích 60 lít/thùng ở khu vực nhà vệ sinh; 03 thùng chứa bằng nhựa có nắp đậy dung tích 100 lít/thùng tại khu vực văn phòng, nhà ăn, khu vực sản xuất; 03 thùng chứa bằng sắt dung tích 1000 lít/thùng đặt tại khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà/khu vực lưu chứa ngoài trời:

- Diện tích khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: 20 m², được bố trí bên ngoài nhà xưởng cạnh khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp của cơ sở.

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: Có mái lợp tôn, tường palen, nền bê tông xi măng, có biển báo.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định với tần suất khoảng 02 ngày/lần.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng trạm xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải.

- Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với trạm xử lý nước thải, hệ thống xử lý khí thải.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố kịp thời; chỉ được tiếp tục hoạt động cơ sở khi xử lý khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH Sản xuất Loha Group có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành cơ sở. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh cơ sở.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình hoạt động; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành trạm xử lý nước thải của cơ sở để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cơ sở đảm bảo: Giai đoạn cụm công nghiệp Nghĩa Hòa chưa hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý tại trạm xử lý nước thải đạt cột B, QCVN 14:2008/BTNMT sẽ xả vào mương tiêu thoát nước khu vực thôn Bằng, xã Nghĩa Hòa, huyện Lạng Giang; giai đoạn cụm công nghiệp Nghĩa Hòa hoàn thiện hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung: Nước thải sinh hoạt sau xử lý tại trạm xử lý nước thải đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT sẽ đầu nối với hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Cụm công nghiệp Nghĩa Hòa, không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của cơ sở để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của cơ sở đảm bảo đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của cơ sở với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Lạng Giang trước ít nhất 10 ngày kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Theo Tờ trình số 251/TTr-TNMT ngày 28/5/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và các nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của dự án.